TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Thi Thị Ngọc Hạnh.
Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-12-2022).

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn T - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-12-2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-10-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: bà N và ông Hồ Văn T cưới nhau năm 1993, đăng ký kết hôn ngày 29-8-2002 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau mất hạnh phúc gia đình. Về hôn nhân: bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: có 02 con chung tên Hồ N N1 (sinh ngày 18-5-1996) và Hồ Tấn Tài (sinh ngày 31-01-2000). Hiện hai con chung đã thành niên nên bà N không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14-12-2022, bị đơn là ông Hồ Văn T khai thống nhất với bà N về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hồ Văn T. Ông T cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông T đều có đơn xin không hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà N và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 29-8-2002 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà N và ông T đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau mất hạnh phúc gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý thì đều không tham gia hòa giải. Bà N yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: có 02 con chung tên Hồ N N1 (sinh ngày 18-5-1996) và Hồ Tấn Tài (sinh ngày 31-01-2000). Hiện hai con chung đã thành niên, bà N và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên không xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T đều cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ nên không xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Hồ Văn T về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hồ Văn T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005392 ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Thành (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.